

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/DS-PT

Ngày 19-11-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Vân Thúy

*Các Thẩm phán:*  
Bà Đặng Hồ Điệp  
Ông Lê Anh Sơn

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Hán – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2021/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2021/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 433/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị N; địa chỉ: Thôn KT, xã HT, huyện AD, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Khắc C; địa chỉ: Thôn KT, xã HT, huyện AD, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Dương Thị N

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như*

*sau:* ông Nguyễn Khắc C có viết tại Giấy cam kết vay tiền ghi ngày 02/02/2001, ông Nguyễn Khắc C và bà Dương Thị N có ghi: Ông Nguyễn Khắc C vay của bà Dương Thị N số tiền là 5.000.000 đồng với lãi suất 2,5% tháng. Hai bên không thỏa thuận thời hạn cụ thể trả tiền nhưng khi cần bà N báo trước thời gian 2 tháng để ông C chuẩn bị trả sòng phẳng. Cả hai cùng thống nhất trình bày, người viết giấy cam kết là ông C, hai bên ký và ghi rõ họ tên.

- *Theo nguyên đơn bà Dương Thị N trình bày:* Sau một thời gian vay tiền, ông C làm nhà nhưng vẫn không trả nợ nên bà N đã yêu cầu ông C nhưng ông C không trả nên bà đã giữ xe của ông C và hai bên cùng lên UBND xã HT giải quyết. Tại UBND xã có ông Đoàn Văn Sốp (Phó trưởng Công an xã) tiến hành giải quyết sự việc, ông C thừa nhận có vay nợ của bà N và đã trả cho bà N số tiền là 500.000 đồng và số tiền còn lại ông C xin trả dần. Số tiền 500.000 đồng bị đơn đã trả tại UBND xã được trừ vào số nợ lãi. Tuy nhiên, sau đó ông C cũng không trả nợ và bà N cũng không đòi ông C là do hai bên có quan hệ họ hàng và bà N muốn để cho ông C tự giác. Đến năm 2020, bà N thấy rằng ông C không có ý thức trả nợ nên yêu cầu ông C trả nợ nhưng vợ chồng ông C vẫn không trả. Nên bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C phải trả số tiền nợ gốc là 5.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 02/8/2021 là 205.258.000 đồng với mức lãi suất là 20%/năm (và phải trả lãi cho đến khi trả hết nợ), cộng là 210.258.000 đồng.

- *Theo bị đơn ông Nguyễn Khắc C trình bày:* Ông C thừa nhận có viết giấy vay nợ có nội dung như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên thực tế ông chỉ vay bà N 2.000.000 đồng và vay 3.000.000 đồng của anh Trọng (con trai bà N) tại nhà bà N để đánh bạc. Bà N và các con bà N đã ép bị đơn viết giấy cam kết vay nợ số tiền 5.000.000 đồng như trên. Bị đơn có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng. Buổi Cều ngày 16/02/2001, bà N đã giữ xe đạp của ông yêu cầu ông phải trả nợ. Sau đó, bà N và ông C lên UBND xã HT để làm việc và ông đã trả cho bà N số tiền 500.000 đồng như bà N trình bày. Buổi tối, anh Trọng đến nhà ông đòi nợ nhưng do không đòi được nên anh Trọng đã lấy xe đạp trị giá khoảng 800.000đ của bị đơn để trừ nợ. Tháng 3/2001, bà N gặp ông ở thôn Minh Kha, xã Đồng Thái và yêu cầu ông trả nợ nên ông đã vay của ông Đinh Ngọc Cơ số tiền 2.000.000 đồng để trả cho bà N nhưng hai bên không viết giấy biên nhận trả nợ. Cũng trong tháng 3/2001, bà N đến Công ty của ông để yêu cầu ông trả tiếp số nợ và ông đã mượn ông Nguyễn Khắc Điệp số tiền 2.000.000 đồng để trả bà N nhưng hai bên cũng không viết giấy biên nhận tiền. Tính tổng cộng, bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 4.500.000 đồng và anh Trọng lấy xe đạp của bị đơn để trừ nợ với giá trị làm tròn là 500.000 đồng. Như vậy, bị đơn đã trả hết nợ số tiền 5.000.000 đồng cho nguyên đơn. Từ tháng 3/2001 đến tháng 6/2020, nguyên đơn không lần nào có yêu cầu bị đơn trả nợ.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 5.000.000 đồng và số nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày 02/8/2021 là 205.258.000 đồng, tổng

cộng là 210.258.000 đồng, bị đơn không đồng ý vì bị đơn đã trả hết nợ cho nguyên đơn từ thời điểm tháng 3/2001. Bị đơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật và áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu trả nợ lãi phát sinh của nguyên đơn.

*\* Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 22/2021/DS-ST ngày 16/9/2021, Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng đã quyết định:*

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 184; điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 427; 471; 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 6; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Khắc C phải tiếp tục trả cho bà Dương Thị N số tiền nợ gốc là 4.500.000đ.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trả số tiền nợ lãi phát sinh là 205.258.000đ của nguyên đơn.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền kháng cáo và quyền thi hành án.

*\* Sau khi xét xử sơ thẩm :* Ngày 16/9/2021, nguyên đơn không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm vì cho rằng không có căn cứ nên kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 5.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh với mức lãi suất là 20%/năm tính từ ngày 02/02/2001 đến ngày thanh toán hết nợ.

*\* Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, buộc bị đơn phải trả số tiền nợ vay gốc là 5.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày vay đến khi thanh toán xong nợ vay vì: Số tiền 500.000 đồng bị đơn đã trả là trả nợ lãi, không phải trả vào nợ gốc. Thời điểm làm việc tại UBND xã xác nhận lại như ông phó trưởng công an xã đã cung cấp là năm 2001 nhưng đó không phải là thời điểm nguyên đơn đòi nợ mà chỉ là nhắc nhở bị đơn trả nợ nên bị đơn đã trả lãi cho nguyên đơn nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn đã trả 500.000 đồng vào nợ gốc và yêu cầu tính lãi đã hết thời hiệu khởi kiện là không đúng quy định của pháp luật. Vì tình nghĩa nên đến ngày 10/6/2020 nguyên đơn mới khởi kiện đòi tiền nợ tại Tòa án huyện AD, nếu bị đơn biết điều và xin nguyên đơn thì nguyên đơn sẽ miễn một nửa số tiền lãi, nhưng vì bị đơn không thiện

chí và không biết lỗi nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bị đơn phải trả cả gốc và lãi theo mức lãi suất 20%/năm đến ngày trả xong nợ gốc.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn vì bị đơn đã trả hết nợ cho nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*\* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự 1995; Điều 357, Điều 465, khoản 5 Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn; sửa án sơ thẩm theo hướng: Buộc ông C phải trả cho bà N số tiền 5.045.000 đồng, trong đó nợ gốc là 4.500.000 đồng và khoản tiền lãi chậm trả kể từ ngày 07/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 16/9/2021 là 545.000 đồng. Đề nghị tuyên lãi suất chậm thi hành án và án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là vụ án dân sự về việc kiện đòi tiền cho vay thuộc tranh chấp về giao dịch dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là ông Nguyễn Khắc C có địa chỉ cư trú tại: Thôn KT, xã HT, huyện AD, thành phố Hải Phòng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện AD. Bản án sơ thẩm có kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định nên kháng cáo là hợp lệ, thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục phúc thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

[2.1] Đối với yêu cầu đòi số tiền nợ gốc: Xét thấy, giao dịch cho vay không thỏa thuận về thời hạn trả nợ và là tài sản thuộc sở hữu của nguyên đơn nên đối với

yêu cầu khởi kiện đòi số tiền nợ gốc không áp dụng thời hiệu theo quy định tại Điều 155 Bộ luật Dân sự và điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2.2] Đối với yêu cầu đòi khoản tiền lãi: Theo nội dung Bản cam kết vay tiền thì giao dịch giữa hai bên là Hợp đồng vay tài sản và có lãi suất nhưng không xác định thời hạn trả nợ; thời điểm các bên xác lập hợp đồng vay tài sản là ngày 02/02/2001. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xác định lại là theo như cung cấp của ông Phó trưởng công an xã là khoảng tháng 7, tháng 8 năm 2001, hai bên đã giải quyết tranh chấp tại UBND xã và bị đơn đã trả nguyên đơn số tiền 500.000 đồng. Nguyên đơn cho rằng năm 2001, nguyên đơn nhắc nhở bị đơn trả nợ chứ không phải đòi nợ nên không xác định là thời điểm đòi nợ là không có căn cứ bởi lẽ: Cả hai bên đương sự đều thống nhất trình bày nguyên đơn đã giữ xe đạp của bị đơn để trừ nợ dẫn đến chính quyền địa phương phải giải quyết. Như vậy, có đủ cơ sở xác định đến năm 2001, nguyên đơn đã biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nhưng đến tháng 6 năm 2020, nguyên đơn mới khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay, bị đơn có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại Điều 427 Bộ luật Dân sự 2005 và Nghị quyết số 03/2012/HĐTP-TANDTC của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao xác định thời hiệu khởi kiện đối với khoản tiền lãi theo hợp đồng vay giữa bà Dương Thị N và ông Nguyễn Khắc C đã hết và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu kiện đòi số tiền khoản tiền lãi là đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn cho rằng vẫn còn thời hiệu khởi kiện để kiện đòi số tiền lãi vay theo hợp đồng.

- Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 5.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh với mức lãi suất là 20%/năm tính từ ngày 02/02/2001 đến ngày 02/10/2021 là 207.915.000 đồng.

[3] Về yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 5.000.000 đồng, Hội đồng xét thấy:

[3.1] Theo nguyên đơn trình bày: Ngày 02/02/2001, nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 5.000.000 đồng với mức lãi suất là 2,5%/tháng và có giao nộp cho Tòa án “*Bản cam kết vay tiền*” có chữ ký của bị đơn. Bị đơn thừa nhận có viết văn bản này nhưng do bị ép buộc và chỉ vay nguyên đơn số tiền 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh và cũng nhận trách nhiệm đối với số tiền theo như văn bản đã viết. Do đó, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn đã vay của nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng như văn bản trên là có căn cứ.

[3.2] Bị đơn cho rằng đã trả đủ nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng; trong đó có 500.000 đồng trả tại UBND xã ngày 16/02/2001, 4.000.000 đồng đã trả bà N vào tháng 3/2001 và 500.000 đồng là trị giá của Cếc xe đạp mà anh Trọng con bà N đã lấy trừ nợ nhưng bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận nội dung này của bị đơn và chỉ chấp nhận số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn 500.000 đồng theo sự thừa nhận của các bên là có căn cứ.

[3.3] Số tiền 500.000 đồng bị đơn đã trả hai bên không thống nhất quan điểm với nhau, nguyên đơn tính trừ vào nợ lãi, bị đơn cho rằng là trả nợ gốc. Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc hai bên thanh toán nợ cho nhau nhưng không có biên nhận rõ ràng là trả số tiền nợ gốc hay nợ lãi. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn trình bày đến nay xác định lại thời điểm hai bên giải quyết tranh chấp tại UBND xã khoảng tháng 8 năm 2001 như xác nhận của ông Sốp. Như vậy, với mức lãi suất 2,5%/tháng (30%/năm) theo như thỏa thuận của các bên là không phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm thỏa thuận; cụ thể là theo quy định tại Quyết định số 85/2001/QĐ-NHNN ngày 31/01/2001 của Ngân hàng Nhà nước và khoản 1 Điều 473 Bộ luật Dân sự năm 1995. Tại thời điểm cho vay mức lãi suất thỏa thuận tối đa được chấp nhận chỉ là  $0,75\%/tháng + (50\% \times 0,75\%/tháng) = 1,125\%/tháng$  (13,5%/năm). Nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền 500.000 đồng bị đơn đã trả được thanh toán vào khoản nợ gốc là phù hợp. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn về việc xác định số tiền 500.000 đồng bị đơn trả cho nguyên đơn là trả tiền lãi vay. Tòa án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 4.500.000 đồng là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền lãi phát sinh với mức lãi suất là 20%/năm tính từ ngày 02/02/2001 đến ngày thanh toán hết nợ:

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự thì: *“ Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này” ; “Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bên vay trong một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản...”*.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *“Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn thì thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết “thời gian hợp lý” đến thời điểm xét xử sơ thẩm... Thời gian hợp*

*lý quy định tại Bộ luật Dân sự do Tòa án căn cứ từng trường hợp cụ thể để xem xét quyết định nhưng không quá 03 tháng...”*

Xét thấy: Giấy cam kết vay tiền nêu trên giữa hai bên là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi nên bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bên vay trong một thời gian hợp lý và bên vay phải có trách nhiệm trả cho bên cho vay khoản tiền lãi chậm trả kể từ sau ngày bên cho vay thông báo cho bên vay việc đòi nợ một thời gian hợp lý cho đến thời điểm nhận lại tài sản.

[4.1] Đối với khoản lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng: Như đã nhận định ở trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện đối với khoản lãi vay theo hợp đồng giữa hai bên đã hết và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu kiện đòi số tiền lãi từ ngày 02/02/2001 đến ngày nguyên đơn khởi kiện là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán khoản tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng vay tài sản.

[4.2] Đối với khoản lãi chậm trả: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả khoản lãi chậm trả là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bên cho vay theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn và sửa bản án sơ thẩm đối với yêu cầu tính lãi chậm trả kể từ ngày bị đơn biết được việc nguyên đơn khởi kiện.

Trong vụ án này bên cho vay không chứng minh được đã báo trước cho bên vay thời điểm yêu cầu trả nợ nên cần xác định thời điểm tính lãi chậm trả là sau 02 tháng kể từ ngày bị đơn nhận được thông báo thụ lý vụ án là ngày 07/12/2020. Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày là được 221 ngày.

[4.3] Về mức lãi suất: Theo Giấy cam kết vay tiền có ghi lãi suất cho vay 2,5%/tháng là vượt quá mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Nay, nguyên đơn chỉ đề nghị tính theo mức lãi suất 20%/năm. Hội đồng xét thấy đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn và phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4.4] Như vậy, Hội đồng xét xử xác định số tiền lãi chậm trả trên số nợ gốc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 221 ngày x 4.500.000 đồng x 20%/năm : 365 ngày = 545.000 đồng.

[5] Tổng cộng, bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi chậm trả là 4.500.000 đồng + 545.000 đồng = 5.045.000 đồng.

[6] Về việc tuyên lãi chậm thi hành án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản các bên có thỏa thuận về lãi suất nên theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: “ Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng

mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; ..." nhưng tại phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên: "Đối với khoản tiền nợ gốc anh Nguyễn Khắc C phải trả cho bà Dương Thị N nói trên, kể từ ngày bà Dương Thị N có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Nguyễn Khắc C không nộp thì hàng tháng anh Nguyễn Khắc C còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án" là chưa đúng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại cho đúng quy định.

[7] Từ những phân tích nhận định trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn; căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2021/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí dân sự:

[9] Về án phí sơ thẩm: Số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 5.045.000 đồng nên số tiền án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu là 300.000 đồng.

[10] Về án phí phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn và sửa bản án sơ thẩm nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 471, 473, 474 của Bộ luật Dân sự 1995;

Căn cứ Điều 357, Điều 465, khoản 5 Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.



Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Dương Thị N. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2021/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Khắc C phải trả cho bà Dương Thị N số tiền nợ gốc là 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm nghìn) đồng và khoản tiền lãi chậm trả kể từ ngày 07/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 545.000 (Năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng. Tổng cộng là: 5.045.000 (Năm triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Khắc C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất 20%/năm.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trả số tiền nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng từ ngày 02/02/2001 đến ngày bà Dương Thị N khởi kiện.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Khắc C phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Dương Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND huyện AD;
- Cục THADS huyện AD;
- Các đương sự(để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Vân Thúy**